

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 51/TTr-SKHCN ngày 23/4/2025; ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP).

b) Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; xác định nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, góp phần đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

a) Các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 57-

NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Tổ chức quán triệt, nghiên cứu, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP phải nghiêm túc, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân cùng tham gia thực hiện.

c) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Đến năm 2030

a) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được nâng lên mức khá trong các tỉnh/thành phố trong vùng; năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức khá của quốc gia.

b) Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) thuộc nhóm 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.

c) Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thuộc nhóm 25 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.

d) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt từ 45% trở lên.

đ) Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.

e) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%.

g) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 30% trong tổng số doanh nghiệp.

h) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người trên địa bàn tỉnh, đóng góp vào chỉ số phát triển con người Việt Nam (HDI) duy trì trên 0,7.

i) Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) phấn đấu đạt 1,5% GRDP (trong đó ngoài ngân sách từ 60% trở lên), bố trí kinh phí không thấp hơn số kinh phí Trung ương giao cho địa phương tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển của tỉnh. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

k) Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 10%/năm.

l) Quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

m) Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia.

n) Phân đầu thuộc nhóm dẫn đầu trong cả nước về an toàn, an ninh không gian mạng; an ninh và bảo vệ dữ liệu.

o) Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng thuộc nhóm dẫn đầu các tỉnh, thành phố trong cả nước.

p) Phủ sóng 5G toàn tỉnh.

q) Phát triển tối thiểu 80% công dân số.

r) Triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng và phát triển đô thị thông minh đối với 01 - 02 thành phố, thị xã đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

s) Trung tâm dữ liệu tỉnh đạt tiêu chuẩn Trung tâm điện toán đám mây được triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

t) 100% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các môn học giáo dục STEM và kỹ năng số.

u) 100% học sinh phổ thông tiếp cận với STEM.

v) Trên 90% người dân tiếp cận được thông tin y tế, sức khỏe và khám bệnh từ xa.

w) Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

2. Đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Bình Phước trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển đạt mức khá so với các địa phương trong cả nước; chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương được cải thiện, nâng lên mức khá. Bình Phước có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP. Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh trong vùng. Thu hút tổ chức, doanh nghiệp mạnh về công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh. Có 02 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong vùng, khu vực. *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Đẩy mạnh xây dựng các chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác. Cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng chuyên mục, chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.

c) Triển khai kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và nhân dân.

d) Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm; Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

đ) Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Rà soát dự toán ngân sách của tỉnh, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương để bố trí ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2025 và trong 5 năm tiếp theo, đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu của Chính phủ quy định.

f) Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

g) Triển khai quy định chính sách để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị trong đó bao gồm vì mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

h) Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai để cung cấp miễn phí các kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp trên

địa bàn tỉnh.

i) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

k) Triển khai, tổ chức các cuộc thi, phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

k) Hằng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

2. Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai có hiệu quả các Luật định, quy định, nghị định, chính sách, đề án, dự án của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và quy định, chiến lược, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.

b) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế chính sách và thu hút nguồn lực phục vụ phát triển nguồn nhân lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu tham gia góp ý hoàn thiện các hồ sơ sửa đổi, bổ sung các luật, nghị định có liên quan nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

đề thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

- Triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của tỉnh; cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học chất lượng cao.

- Triển khai danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng đề thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Kết luận của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

đ) Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

e) Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

f) Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

g) Triển khai huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Triển khai Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chiến lược.

c) Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng

năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược.

d) Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

đ) Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

e) Rà soát các quy định và triển khai quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số.

f) Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia; xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh, ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

g) Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số, phát triển hạ tầng số, hạ tầng 5G trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

h) Triển khai danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.

i) Triển khai thí điểm bản sao số cho ít nhất một thành phố, thị xã để quản lý, phát triển.

k) Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh; đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh...,

l) Xây dựng và triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...

m) Xây dựng kế hoạch và triển khai hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm phủ sóng mạng di động băng thông rộng 5G trên toàn tỉnh gắn với việc đẩy mạnh triển khai Internet vệ tinh, hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

n) Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số và kết nối với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

o) Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa

phương để phát triển kinh tế - xã hội.

p) Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

q) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

r) Tham mưu lập dự án tiền khả thi xây dựng Khu khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tỉnh, tập trung nguồn lực đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh.

s) Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực nông nghiệp; du lịch; logistics; công nghiệp, chế biến chế tạo; phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu.

t) Rà soát, điều chỉnh lại chiến lược và xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số đến năm 2030.

u) Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025 và công bố trên cổng thông tin điện tử tỉnh những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 04/9/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính Phủ; Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 26/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong tình hình mới.

b) Xây dựng đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học giỏi, trí thức có trình độ chuyên môn cao, có khả năng chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số

lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

d) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM (STEM: Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kỹ thuật) và Mathematics (Toán học)), thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM. Xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; hợp tác, liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học và khoa học công nghệ, tạo chuyển biến căn bản chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nội dung hợp tác giữa UBND tỉnh với một số trường đại học, viện nghiên cứu...

e) Rà soát, xây dựng, triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyên đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù của tỉnh.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Bình Phước giai đoạn 2026 - 2030.

b) Duy trì, nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, kết nối các Trung tâm điều hành thông minh trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

d) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

đ) Triển khai chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

e) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số.

f) Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ

số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

g) Triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số, giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng, tạo lập niềm tin số; Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

h) Triển khai các nền tảng số về giám sát, thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải (xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh).

i) Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.

l) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

m) Xây dựng kế hoạch/chương trình đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng; nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

n) Triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

o) Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

p) Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

q) Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và cơ sở y tế đủ điều kiện của tỉnh.

r) Triển khai chính sách ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở giáo dục, y tế, cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế và miễn phí cấp chữ ký số cho người bệnh.

s) Triển khai Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

t) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử.

u) Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính

không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

v) Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức địa phương.

x) Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.

y) Xây dựng Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.

z) Phát triển Công Dịch vụ công tỉnh trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của tỉnh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

w) Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục và đào tạo, tập trung vào phát triển hạ tầng số, số hóa dữ liệu, đào tạo kỹ năng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT), tăng cường giáo dục STEM.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; triển khai bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô, nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả.

b) Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số.

c) Rà soát, công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, danh mục các nhiệm vụ khoa học công nghệ về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

d) Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch để nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù của tỉnh.

đ) Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

e) Triển khai quy hoạch khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung; rà soát, xây dựng ban hành chính sách thu hút doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong khu vực, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

f) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích cho người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam hoặc thế giới đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các Khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Khu công nghiệp của tỉnh.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi, chuyển giao các mô hình quản lý về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiên tiến, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, các chuẩn mực quốc tế.

c) Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu của tỉnh trong công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh.

(Nhiệm vụ, thời gian thực hiện, sản phẩm dự kiến đạt được, cơ quan, đơn vị chủ trì; cơ quan, đơn vị phối hợp được thể hiện cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền xây dựng bổ sung, cập nhật kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị trước ngày 25/5/2025.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các chương trình, kế hoạch của sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, kiến nghị,

tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện Kế hoạch tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo không thấp hơn số kinh phí Trung ương giao cho địa phương.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định, kịp thời, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 23/02/2025 của UBND tỉnh. Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 23/02/2025 của UBND tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- VPCP, Bộ KH&CN;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Ban TG và DV Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-232).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Tuyết Minh

Phụ lục I CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1.	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Thuộc nhóm các địa phương ở mức khá về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2.	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên khá của cả nước; phần đầu có ít nhất 01 doanh nghiệp đạt trình độ tiên tiến.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.	Xếp hạng chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI)	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 05 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
4.	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	≤ 25	Sở Khoa học và Công nghệ
5.	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 45	Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Thống kê
6.	Quy mô kinh tế số	% GRDP	Tối thiểu 30	Sở Khoa học và Công nghệ
7.	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ
8.	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 90	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12
9.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
10.	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người trên địa bàn tỉnh, đóng góp vào duy trì chỉ số phát triển con người Việt Nam (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ
11.	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	1,5	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính

12.	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	-	Bố trí kinh phí không thấp hơn số kinh phí Trung ương giao cho địa phương	Sở Tài chính
13.	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
14.	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh các thành phố, thị xã có đủ điều kiện	Thành phố, Thị xã	≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ
15.	Quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
16.	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
17.	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	Hoàn thành	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan
18.	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	%	≥ 90	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12
19.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
20.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
21.	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Công an tỉnh
22.	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ
23.	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
24.	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Sở Khoa học và Công nghệ
25.	Tốc độ tăng trưởng các dịch vụ thương mại điện tử và logistics	%	25-30	Sở Công Thương
26.	Tốc độ tăng trưởng các dịch vụ liên quan đến chính phủ điện tử	%	15-20	Sở Khoa học và Công nghệ
27.	Việc được tiếp nhận, trả hồ sơ tại nhà trên hạ tầng bưu chính	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ

	số			
28.	Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông theo tuyến đường (chỉ tính các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường cơ sở và đường đô thị)	%	25 – 30	Sở Khoa học và Công nghệ
29.	Tỷ lệ dân số sử dụng Mobile Money	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
30.	Cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến THPT có tổ chức các môn học giáo dục STEM và kỹ năng số	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
31.	Học sinh phổ thông tiếp cận với STEM	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
32.	Người dân tiếp cận được thông tin y tế, sức khỏe và khám bệnh từ xa.	%	≥ 90	Sở Y tế
33.	Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	%	≥ 25	Các sở, ngành, địa phương
II	Đến năm 2045			
34.	Quy mô kinh tế số	%GDP	Tối thiểu 50	Sở Khoa học và Công nghệ
35.	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương	Thứ bậc	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
36.	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong vùng, khu vực	Doanh nghiệp	≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ
37.	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	Doanh nghiệp	≥ 1	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1.	Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Đẩy mạnh xây dựng các chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác. Cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	Các chương trình tuyên truyền được ban hành	4/2025
2.	Xây dựng chuyên mục, chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên mục được xây dựng	Thường xuyên
3.	Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm; Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	-		6/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.				
4.	Triển khai kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	-	Kế hoạch công tác hằng năm của sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
6.	Bổ sung, cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	4/2025
7.	Phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	-	Có tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo hướng tới tối thiểu đạt 25%.	Thường xuyên
8.	Triển khai quy định chính sách để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị trong đó bao gồm vì mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	10/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
9.	Triển khai các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	5/2025
10.	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình đào tạo của UBND tỉnh	9/2025
11.	Triển khai, tổ chức các cuộc thi, phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình đào tạo của UBND tỉnh	7/2025 và hằng năm
12.	Rà soát dự toán ngân sách của tỉnh, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương để bố trí ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2025 và trong 5 năm tiếp theo, đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu của Chính phủ quy định.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu quy định	6/2025
13.	Hằng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đánh giá xếp hạng	Hằng năm

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II	Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
14.	Triển khai có hiệu quả các Luật định, quy định, nghị định, chính sách, đề án, dự án của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và quy định, chiến lược, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.	Các sở, ban, ngành	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	Thường xuyên theo hiệu lực của cơ quan Trung ương ban hành
15.	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành để kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành	Sở Tư pháp; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, tham mưu	6/2025
16.	Xây dựng cơ chế chính sách và thu hút nguồn lực phục vụ phát triển nguồn nhân lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh/Quyết định UBND tỉnh	9/2025
17.	Nghiên cứu tham gia góp ý hoàn thiện các hồ sơ sửa đổi, bổ sung các luật, nghị định có liên quan nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Tư pháp, các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản góp ý	Thường xuyên
18.	Triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan	Các cơ chế đặc thù được triển khai	6/2025
19.	Triển khai danh mục các lĩnh vực, công nghệ quan trọng, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút,	Các sở, ban, ngành; UBND các	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Danh mục các lĩnh vực, công nghệ, dự án được ban hành	2025-2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	huyện, thị xã, thành phố			
20.	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kết quả xếp hạng	Hàng năm
21.	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Kết luận của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Tư pháp, các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định UBND tỉnh	2026-2027
22.	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các quy trình nội bộ của các sở, ngành, địa phương được ban hành	2026-2027
23.	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Kết quả số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	9/2025
24.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	12/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.				
25.	Triển khai huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	2026
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh				
26.	Triển khai Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành	Mạng lưới kết nối	2026
27.	Ưu tiên ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chiến lược	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Hàng năm
28.	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
29.	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	10/2025
30.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
31.	Rà soát các quy định và triển khai quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản của UBND tỉnh	10/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
32.	Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia; xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh, ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các nền tảng số được triển khai ứng dụng	12/2025
33.	Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số, phát triển hạ tầng số, hạ tầng 5G trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình/kế hoạch của UBND tỉnh	7/2025
34.	Triển khai danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Danh mục được ban hành	Hằng năm
35.	Triển khai thí điểm bản sao số cho ít nhất một thành phố, thị xã để quản lý, phát triển	UBND thành phố, thị xã đủ điều kiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án được triển khai	9/2026
36.	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh	Các thành phố, thị xã đủ điều kiện	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ	Đề án của UBND tỉnh	6/2028
37.	Xây dựng và triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề án của UBND tỉnh	9/2025
38.	Xây dựng kế hoạch và triển khai hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm phủ sóng mạng di động băng thông rộng 5G trên toàn tỉnh gắn với việc đẩy mạnh triển khai Internet vệ tinh, hạ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch UBND tỉnh	9/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.				
39.	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số	Các sở, ngành là chủ quản CSDL chuyên ngành	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu được đưa vào sử dụng, khai thác	2025
40.	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Cơ sở dữ liệu được đưa vào sử dụng, khai thác	2026
41.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành kết nối	12/2026
42.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt được ban hành	5/2025
43.	Tham mưu lập dự án tiền khả thi xây dựng Khu khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tỉnh, tập trung nguồn lực đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND thành phố Đồng Xoài	Dự án của UBND tỉnh	2027
44.	Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực nông nghiệp; du lịch; logistics; công nghiệp, chế biến chế tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ngành liên quan	Công bố hệ sinh thái kinh tế số trong một số lĩnh vực bao gồm: nông nghiệp; du lịch; logistics;	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				công nghiệp, chế biến chế tạo	
45.	Rà soát, điều chỉnh lại chiến lược và xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch được ban hành	5/2025
46.	Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025 và công bố trên cổng thông tin điện tử tỉnh những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn.	Sở Khoa học và Công nghệ.	-	Các sản phẩm, giải pháp được đánh giá, lựa chọn, công bố	Thường xuyên
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
47.	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 04/9/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính Phủ; Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 26/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong tình hình mới	Các sở, ban, ngành, địa phương	-		Thường xuyên
48.	Xây dựng đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học giỏi, trí thức có trình độ chuyên môn cao, có khả năng chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án của UBND tỉnh	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
49.	Ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về Chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết HĐND tỉnh	9/2025
50.	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM. Xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các giải pháp được áp dụng	Thường xuyên
51.	Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; hợp tác, liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học và khoa học công nghệ, tạo chuyên biến căn bản chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nội dung hợp tác giữa UBND tỉnh với một số trường đại học, viện nghiên cứu khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nguồn nhân lực chất lượng cao được nâng lên	Thường xuyên
52.	Rà soát, xây dựng, triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù của tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh	Hằng năm
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
53.	Xây dựng Kế hoạch phát triển Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Bình Phước giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV/2025
54.	Duy trì, nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, kết nối các Trung tâm điều hành thông minh của các ngành và cấp huyện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	2026
55.	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch UBND tỉnh	6/2025
56.	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	-	Kế hoạch của UBND tỉnh	9/2025
57.	Triển khai chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn bản triển khai	5/2025
58.	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	2026
59.	Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
60.	Triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số, giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng, tạo lập niềm tin số; Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án của UBND tỉnh	2026
61.	Triển khai các nền tảng số về giám sát, thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải (Xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nền tảng số được ứng dụng	2026
62.	Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	2026
63.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Khí tượng Thủy văn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được ứng dụng	6/2026
64.	Xây dựng kế hoạch/chương trình đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng; nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch/Chương trình của UBND tỉnh	2026
65.	Triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên
66.	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công	Quản lý chặt chẽ trên môi trường	10/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh		Thương; Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	thương mại điện tử, chống thất thu thuế	
67.	Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; BHXH tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giải pháp, công cụ	5/2025
68.	Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại Bệnh viện tỉnh và cơ sở y tế đủ điều kiện của tỉnh	Sở Y tế	Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án	8/2025
69.	Triển khai chính sách ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở giáo dục, y tế, cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế và miễn phí cấp chữ ký số cho người bệnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn bản triển khai	6/2025
70.	Triển khai Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giải pháp, công nghệ	2026
71.	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử	Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 12		2025 và những năm tiếp theo
72.	Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	-		2025 và những năm tiếp theo

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
73.	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh	9/2025
74.	Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.	Sở Xây dựng	UBND các thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai	2026
75.	Xây dựng Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án UBND tỉnh ban hành	12/2026
76.	Phát triển Cổng Dịch vụ công tỉnh trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của tỉnh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành phát triển Cổng dịch vụ công tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia	2026
77.	Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục và đào tạo, tập trung vào phát triển hạ tầng số, số hóa dữ liệu, đào tạo kỹ năng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT), tăng cường giáo dục STEM	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án UBND tỉnh ban hành	Quý 4/2025
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
78.	Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; triển khai bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô, nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	12/2025
79.	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch đánh giá được triển khai	8/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
80.	Rà soát, công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, danh mục các nhiệm vụ khoa học công nghệ về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Danh mục được công bố	Hàng năm
81.	Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch để nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình được triển khai	Thường xuyên
82.	Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Danh mục các nhiệm vụ được ban hành	12/2025
83.	Triển khai quy hoạch khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung; rà soát, xây dựng ban hành chính sách thu hút doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong khu vực, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.	Ban quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	2028
84.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích cho người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình đánh giá được triển khai	2026
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
85.	Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam hoặc thế giới đến đầu tư sản xuất, kinh doanh	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương	Ít nhất được 01 Doanh nghiệp tham gia	2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tại các Khu Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Khu Công nghiệp của tỉnh				
86.	Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi, chuyển giao các mô hình quản lý về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiên tiến, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, các chuẩn mực quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình học tập được triển khai	Thường xuyên
87.	Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu của tỉnh trong công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình quảng bá	Thường xuyên
88.	Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chương trình học tập được triển khai	Thường xuyên